

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 177/2019/HNGĐ-ST
Ngày 19 – 8 – 2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Sĩ Hùng;

Bà Trương Ánh Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân – *Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa:
Ông Dương Phi Cát – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 395/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 427/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1981 (có mặt). Địa chỉ: Số 170, đường H, phường 6, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

*** Bị đơn:** Anh Trần Xuân H, sinh năm: 1975 (vắng mặt). Địa chỉ: Số 247, đường L, khóm B, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/3/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 16/4/2019 bản tự khai và được bổ sung tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Trần Xuân H kết hôn có đăng ký kết hôn vào năm 2003, tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Hiện nay giấy chứng nhận đăng ký kết hôn đã thất lạc do chuyển chỗ ở. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm. Chị và anh H đã ly thân từ năm 2005 đến nay. Nay tình cảm không còn, không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống nên chị T yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Trần Nguyễn Yên N, sinh ngày 02/6/2004. Khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi con. Không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định không có nợ chung.

* Anh Trần Xuân H đã được tổng đạt văn bản tố tụng để thông báo nội dung đơn khởi kiện của chị T. Đã tổng đạt các văn bản tố tụng của vụ án theo đúng quy định nhưng anh H không có văn bản ý kiến cũng không đến tòa án theo giấy triệu tập.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã đảm bảo đúng thủ tục tố tụng theo quy định, bị đơn không chấp hành triệu tập của Tòa án, các đương sự khác chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu cầu nguyên đơn, chấp nhận chị T được ly hôn với anh H, giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, không xem xét đến trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Chị Nguyễn Thị T xác định chị và anh Trần Xuân H có đăng ký kết hôn vào năm 2003 nhưng Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn đã thất lạc nên không cung cấp cho Tòa án. Tại nội dung xác nhận ngày 20/3/2019 và văn bản xác minh ngày 19/7/2019, Ủy ban nhân dân phường T thành phố C xác định, tàng thư lưu trữ đăng ký kết hôn năm 2003 đã bị thất lạc vì di dời trụ sở UBND phường T thành phố C, nên không xác định được chị T anh H có đăng ký kết hôn hay không. Chị Thẩm xác định chị và anh H có đăng ký kết hôn, anh H không có ý kiến. Nay chị Nguyễn Thị T yêu cầu ly hôn với anh H. Quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp được xác định là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Đối với anh Trần Xuân H đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng triệu tập tham gia phiên hòa giải và phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng anh H vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H là đúng quy định tại Điều 207 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị T yêu cầu ly hôn với anh H với lý do vợ chồng có mâu thuẫn, hai bên gia đình đã hòa giải hàn gắn nhưng anh chị vẫn không thể chung sống, anh chị đã ly thân từ 2005 đến nay, trong thời gian ly thân anh chị sống riêng, tự lo cuộc sống riêng của mỗi người, không ai quan tâm, lo lắng cho ai. Anh H không yêu cầu Tòa án hàn gắn và cũng không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị T. Thể hiện anh H cũng không mong muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này. Cả hai anh chị đều không muốn tiếp tục chung sống, xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T về việc ly hôn với anh Trần Xuân H.

[4] Về con chung: Con chung tên Trần Nguyễn Yến N, sinh ngày 02/6/2004, hiện đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T yêu cầu tiếp tục nuôi con. Tại biên bản ngày 24/5/2019, con chung Trần Nguyễn Yến N cũng có nguyện vọng ở cùng mẹ là chị T. Anh H không có ý kiến, do đó cần tiếp tục giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình chị T phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 147, 207, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Trần Xuân H.

Về con chung: Tiếp tục giao con chung tên Trần Nguyễn Yến N, sinh ngày 02/6/2004 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Không xem xét trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con. Anh Trần Xuân H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) chị Nguyễn Thị T phải nộp. Ngày 06/5/2019 chị Nguyễn Thị T đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0000061 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Xuân H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau
- VKSND TP.Cà Mau;
- UBND phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(đã ký)

Phan Thị Thu